

Bản án số: **1001/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày: 30-9-2021  
Về việc Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Nở.

Bà Đặng Thị Huệ Tú.

**- Thư ký phiên tòa:**

Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án  
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:**

Bà Đào Thị Xuân Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 299/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 3146/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1997; địa chỉ: Số X đường D, Phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt. (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh M, sinh năm 1997; quốc tịch: Hoa Kỳ; địa chỉ: Hoa Kỳ. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà và ông Nguyễn Thanh M quen biết nhau từ nhỏ, hai người tìm hiểu rồi tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận số X1 do Ủy ban nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 7 năm 2019. Quá trình chung sống bà nhận ra ông M chưa thực sự trưởng thành, không có công việc ổn định mà phụ thuộc về kinh tế từ cha mẹ. Giữa hai người phát sinh mâu thuẫn, bà cảm thấy thời gian tìm hiểu giữa hai người không đủ để có thể có sự thấu hiểu lẫn nhau. Khoảng giữa tháng 8 năm 2019, ông M trở về Hoa Kỳ cùng gia đình

và làm thủ tục bảo lãnh bà nhưng lại phát sinh thêm mâu thuẫn giữa hai vợ chồng và hai bên gia đình. Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Nguyễn Thanh M do tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân như hiện tại.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Thanh M không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa bà và ông Nguyễn Thanh M không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản.

*Đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh M:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo thời gian và địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ, theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu ông Nguyễn Thanh M có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc bà Nguyễn Thị Mỹ T khởi kiện yêu cầu ly hôn (theo Công văn ủy thác tư pháp số X2/UTTPDS-TA30 ngày 13 tháng 11 năm 2020). Đến ngày mở phiên tòa như đã định tại thông báo gửi đương sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không nhận được văn bản thông báo về kết quả tổng đạt cũng như bản tự khai, tài liệu, chứng cứ của bị đơn và bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Để đảm bảo việc giải quyết vụ án theo đúng thời hạn luật định và bảo đảm quyền lợi của đương sự khác, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về tố tụng dân sự; quan hệ tranh chấp của vụ án đã được xác định đúng, chứng cứ được thu thập hợp lệ; vụ án có yếu tố nước ngoài Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền; thủ tục ủy thác tư pháp đã được tiến hành hợp lệ. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa đã có văn bản trình bày ý kiến giao nộp cho Tòa án và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lời khai, tài liệu, chứng cứ, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án giải quyết vụ án theo luật định. Đề xuất về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung nguyên đơn xác định không có, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, giấy chứng nhận kết hôn; căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại bản tự khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án về ly hôn. Bị đơn trong vụ án là ông Nguyễn Thanh M quốc tịch Hoa Kỳ, hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ; nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm c Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt thông báo về thời gian và địa điểm mở phiên tòa cho bị đơn thông qua thủ tục ủy thác tư pháp nhưng không có thông báo về kết quả tổng đạt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Xét, yêu cầu và ý kiến của nguyên đơn đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và 3 Điều 228, Khoản 4 và 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; Giấy chứng nhận kết hôn số X1 do Ủy ban nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 7 năm 2019, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ T với ông Nguyễn Thanh M được xác lập trên cơ sở tự nguyện là hợp pháp.

Theo trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T thì sau khi kết hôn vợ chồng bà sớm phát sinh mâu thuẫn do không có sự hòa hợp về tính cách, lối sống, thời gian tìm hiểu giữa hai người không đủ để có thể có sự thấu hiểu lẫn nhau. Khoảng một tháng sau khi kết hôn ông Nguyễn Thanh M cùng gia đình trở về Hoa Kỳ sinh sống. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, ông M không hoàn tất thủ tục bảo lãnh bà sang Hoa Kỳ để đoàn tụ vợ chồng, từ đó đến nay hai người sống ly thân. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Nguyễn Thanh M.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa nguyên đơn và bị đơn đã không còn chung sống trong khoảng thời gian dài, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn ông Nguyễn Thanh M như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về con chung: Nguyên đơn trình bày giữa bà và ông Nguyễn Thanh M không có con chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về quyền, nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Nguyên đơn trình bày giữa bà và ông Nguyễn Thanh M không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm; lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm c Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 và 3 Điều 228, Điểm c Khoản 5 Điều 477, Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 121 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh M.

Giấy chứng nhận kết hôn số X1 do Ủy ban nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 7 năm 2019 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Nguyên đơn trình bày không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Nguyên đơn trình bày giữa vợ chồng không có nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu phân chia tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm; lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đương sự đã nộp theo biên lai thu tiền số X3 ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn bà phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp và chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

III. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh M theo quy định tại Điểm c Khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thời hạn kháng cáo của bị đơn là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Quận Q, Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS. (TC20)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tuấn**